TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS-ST
Ngày: 19-9-2019
"*V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Xuân Lợi

2. Bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Duẫn - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLST-DS ngày 03/5/2019 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-DS, ngày 12/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: tòa nhà CC5, khu B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng Giám đốc Ngân hàng C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng P - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình (theo văn bản ủy quyền số 1792/QĐ-NHCS ngày 09/6/2015).

Người được ủy quyền lại: Bà Trần Thị Thu N - Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình (theo văn bản ủy quyền số

63/NHCS-UQ ngày 18/02/2019); địa chỉ: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/3/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 22/12/2016 giữa Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình với bà Hoàng Thị N đã giao kết Hợp đồng tín dụng số 6600000709216719, qua đó Ngân hàng cho bà N vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 0,55%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn cho vay là 36 tháng, kỳ trả nợ 12 tháng/lần, số tiền trả nợ 10.000.000 đồng/lần, hạn trả cuối cùng vào ngày 17/12/2019 và tiền lãi vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 17. Ngày 22/12/2016, Ngân hàng đã giải ngân cho bà N số tiền 30.000.000 đồng theo như hợp đồng hai bên ký kết.

Tuy nhiên, quá trình sau khi ký kết và thực hiện Hợp đồng phía bà N chỉ mới trả được 10.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 17/7/2019 và khoản tiền lãi là 3.468.500 đồng. Bà N đã không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Phía Ngân hàng đã thông báo, làm việc nhiều lần yêu cầu bà N phải trả khoản tiền nợ bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi phát sinh nhưng bà N vẫn không thực hiện, không trả nợ.

Để thu hồi vốn cho Nhà nước, đại diện cho Ngân hàng C đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Hoàng Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/9/2019) là 21.876.745 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 1.876.745 đồng và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong tiền nợ.

Tại đơn trình bày, bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải bị đơn bà Hoàng Thị N trình bày: Bà và Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình đã giao kết Hợp đồng tín dụng vào ngày 22/12/2016 với tiền gốc, lãi suất, thời hạn vay, kỳ hạn trả nợ, mục đích vay như đại diện Ngân hàng đã trình bày. Ngày 22/12/2016 bà đã được Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình giải ngân số tiền gốc là 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong tổng số tiền vay 30.000.000 đồng trên thì bà chỉ sử dụng 10.000.000 đồng còn lại 20.000.000 đồng là do bà Cao Thị N vay. Việc trả tiền lãi sau khi vay đều do bà Cao Thị N thực hiện, nay Ngân hàng yêu cầu bà phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số

tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh thì bà không chấp nhận, bà chỉ đồng ý trả số tiền 10.000.000 đồng, số tiền còn lại do bà Cao Thị N chịu.

** Đại diện VKSND huyện Quảng Trạch phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đại diện nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt điều này thể hiện bà N không chấp hành pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Hoàng Thị N.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Hoàng Thị N phải trả nợ cho Ngân hàng C số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 21.876.745 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 1.876.745 đồng và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 19/9/2019 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ; buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Giữa Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình với bà Hoàng Thị N đã ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay với mục đích sinh hoạt, tiêu dùng, chăn nuôi, do bà Hoàng Thị N vi phạm nghĩa vụ trong Hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án đòi số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ký kết. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Hoàng Thị N đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Hoàng Thị N.

[2] Về nội dung tranh chấp, yêu cầu của đương sự:

Theo yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào ngày 22/12/2016, giữa Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình với bà Hoàng Thị N đã giao kết Hợp đồng tín dụng số 6600000709216719, số tiền vay 30.000.000 đồng, lãi suất 0,55%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn cho vay là 36 tháng, kỳ trả nợ 12 tháng/lần, số tiền trả nợ 10.000.000 đồng/lần, hạn trả cuối cùng vào ngày 17/12/2019 và tiền lãi vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 17. Trên cơ sở Hợp đồng ký kết, ngày 22/12/2016 Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho bà N vay như thỏa thuận. Như vậy, Hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, là hợp đồng hợp pháp nên có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay bà Hoàng Thị N chỉ mới thanh toán được 10.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 17/7/2019 và khoản tiền lãi là 3.468.500 đồng cho Ngân hàng, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi hàng tháng, vi phạm thời hạn thanh toán. Bị đơn bà Hoàng Thị N đã thừa nhận khoản tiền vay nợ nhưng vẫn không đưa ra được phương thức thực hiện nghĩa vụ trả nợ vào thời gian, số tiền trả nợ. Ngân hàng yêu cầu trả nợ và cung cấp cho Tòa án bảng tính lãi tính theo đúng số ngày, mức lãi suất áp dụng trong Hợp đồng tín dụng, số tiền nợ là đúng theo quy định. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Xét đề nghị của bà Hoàng Thị N khi cho rằng số tiền 20.000.000 trong tổng số tiền 30.000.000 đồng là do bà Cao Thị N nhận vay nên bà không có trách nhiệm đối với khoản tiền này, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình với bà Hoàng Thị N đã giao kết Hợp đồng tín dụng, hợp đồng hợp pháp nên có hiệu lực thi hành. Như vậy, hợp đồng làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với hai bên là Ngân hàng và bà Hoàng Thị N, buộc các bên tham gia ký kết phải thực hiện hợp đồng. Theo Hợp đồng phía Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 30.000.000 đồng cho bà Hoàng Thị N và chính bà Hoàng Thị N là người đã trực tiếp ký nhận, nhận tiền từ Ngân hàng. Bà Hoàng Thị N cũng đã thừa nhận điều này. Đồng thời, bà cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là bà Cao Thị N ký vay, nhận tiền từ Ngân hàng. Do vậy, việc bà Hoàng Thị N đưa ra đề nghị yêu cầu bà Cao Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ 20.000.000 đồng là không phù hợp, không có căn cứ chấp nhận. Trong trường hợp bà Hoàng Thị N có vay tiền từ Ngân hàng rồi cho bà Cao Thị N vay lại thì bà Hoàng Thị N có quyền khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C yêu cầu bị đơn bà Hoàng Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản tiền nợ cho Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 94 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C, buộc bị đơn bà Hoàng Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 21.876.745 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.876.745 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/9/2019) bị đơn bà Hoàng Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Nếu vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận thì phải chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[3] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị đơn bà Hoàng Thị N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 94 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C về việc "tranh chấp Hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn bà Hoàng Thị N.

Buộc bà Hoàng Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C tổng số tiền nợ là 21.876.745 đồng (hai mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/9/2019) là 1.876.745 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng).

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/9/2019), bà Hoàng Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Nếu vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận thì phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này"

2. Về án phí: Buộc bà Hoàng Thị N phải chịu 1.093.000 đồng (một triệu không trăm chín mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, báo cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS h. Quảng Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực